

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN**



**BẢN TÓM TẮT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN
NĂM 2022**

**KINH NGHIỆM CỦA HẢI QUAN QUỐC TẾ TRONG PHÂN TÍCH,
PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HẢI QUAN
VIỆT NAM**

MÃ SỐ: TCHQ/ĐT/2022-08

Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Thị Hạnh

Hà Nội, năm 2023

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN**



**BẢN TÓM TẮT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN
NĂM 2022**

**KINH NGHIỆM CỦA HẢI QUAN QUỐC TẾ TRONG PHÂN TÍCH,
PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HẢI QUAN
VIỆT NAM**

MÃ SỐ: TCHQ/ĐT/2022-08

Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Thị Hạnh

Thành viên nghiên cứu

Họ và tên, học vị	Đơn vị công tác
Vũ Văn Bình, Thạc sĩ	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn
Hoàng Ngọc Dung, Thạc sĩ	Cục Điều tra chống buôn lậu
Kiều Thị Ngọc Dung, Thạc sĩ	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An
Nguyễn Hồng Dũng, Thạc sĩ	Cục Hải quan Hà Tĩnh
Ngô Ngọc Hùng, Cử nhân	Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh
Phạm Nguyễn Thùy Linh, Thạc sĩ	Cục Hải quan Nghệ An
Nguyễn Thị Thanh Nhân, Thạc sĩ	Cục Kiểm định hải quan
Đào Đức Thuyên, Thạc sĩ	Cục Kiểm định hải quan
Nguyễn Thị Hồng Vân, Thạc sĩ	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An

Hà Nội, năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	Error! Bookmark not defined.
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Ý nghĩa khoa học của đề tài nghiên cứu.....	2
4. Bố cục của đề tài.....	2
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ VỀ PHÂN TÍCH, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU VÀ KINH NGHIỆM CỦA HẢI QUAN QUỐC TẾ	3
1.1. Một số lý luận về phân tích, phân loại hàng hóa.....	3
1.1.1. Các khái niệm liên quan đến phân tích, phân loại.....	3
1.1.2. Sự cần thiết phải phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu....	4
1.1.3. Các điều kiện cần thiết cho phòng thí nghiệm thực hiện phân tích, phân loại	4
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phân tích, phân loại hàng hóa	4
1.2.1. Các quy định chung.....	4
1.2.2. Các yếu tố khác.....	4
1.3. Vai trò của phân tích, phân loại hàng hóa đối với hoạt động quản lý nhà nước lĩnh vực Hải quan	5
1.4. Nghiên cứu kinh nghiệm của Hải quan quốc tế.	5
1.4.1. Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (Hải quan Mỹ).....	5
1.4.2. Hải quan Liên Bang Nga	6
1.4.3. Hải quan Hàn Quốc.....	6
1.4.4. Nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin của hải quan trên thế giới	8
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM.....	10
2.1. Các quy định về phân tích, phân loại	10
2.2. Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện công tác phân tích, phân loại	11

2.2.1. Cục Kiểm định hải quan	11
2.2.2. Cục Thuế xuất nhập khẩu.....	11
2.3. Thực trạng công tác phân tích phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Kiểm định Hải quan.....	11
2.4. Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong công tác phân tích phân loại.....	13
2.4.1. Kết quả.....	13
2.4.2. Các hạn chế và nguyên nhân.....	17
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG PHÂN TÍCH, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM.....	22
3.1. So sánh công tác phân tích, phân loại của Hải quan Việt Nam với Hải quan Mỹ, Liên Bang Nga, Hàn Quốc	22
3.2. Định hướng công tác phân tích phân loại hướng đến hải quan số, hải quan thông minh	30
3.2.1. Hải quan số và hải quan thông minh.....	30
3.2.2. Khuyến nghị của WCO về áp dụng hải quan số, hải quan thông minh	30
3.3. Một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả phân tích phân loại trên cơ sở kinh nghiệm của Hải quan quốc tế.....	30
3.3.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý.....	30
3.3.2. Cải cách thủ tục hành chính	30
3.3.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.....	31
3.3.4. Cơ cấu lại tổ chức bộ máy và nguồn lực.....	31
3.4. Kiến nghị với các đơn vị liên quan	33
3.4.1. Kiến nghị với các đơn vị trong ngành Hải quan	33
3.4.2. Kiến nghị với các đơn vị ngoài ngành Hải quan	33
KẾT LUẬN.....	35
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	Error! Bookmark not defined.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Bối cảnh chọn đề tài

Ngày 30/6/2018, EU và Việt Nam đã chính thức ký kết hiệp định Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU và Hiệp định Bảo hộ đầu tư. Hai hiệp định thế hệ mới này khiến cho thuế xuất nhập khẩu (sau đây gọi là XNK) các mặt hàng bị giảm mạnh và tăng mạnh chủng loại hàng hóa, điều này làm phát sinh những khó khăn nhất định trong quá trình Phân tích, phân loại hàng hóa XNK. Thêm vào đó, phiên bản HS 2022 do Tổ chức Hải quan thế giới (sau đây gọi là WCO) xây dựng đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 với nhiều sự thay đổi, bổ sung và điều chỉnh (cụ thể có 351 tiêu chí được sửa đổi).

Trước những thay đổi đó, Hải quan Việt Nam cần liên tục rà soát, kiểm tra, đối chiếu, tăng cường năng lực trong công tác phân tích, phân loại để khắc phục tình trạng tồn đọng mẫu phân tích phân loại.

1.2. Lý do lựa chọn đề tài

Cùng với chủ trương Chính phủ điện tử và Chính phủ số, Hải quan Việt Nam cũng triển khai thực hiện Hải quan số, Hải quan thông minh, hướng tới mục tiêu Hải quan phi giấy tờ. Trước mắt, để thực hiện công tác hiện đại hóa và nâng cao chất lượng hoạt động phân tích, phân loại, Cục Kiểm định hải quan đăng ký chủ trì Đề tài nghiên cứu khoa học về “Kinh nghiệm của Hải quan quốc tế trong phân tích, phân loại hàng hoá XNK và khuyến nghị đối với Hải quan Việt Nam”.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là công tác phân tích, phân loại của hải quan các nước và Hải quan Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Nghiên cứu phòng thí nghiệm và công tác phân tích, phân loại của hải quan các nước Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Việt Nam hiện đang áp dụng giai đoạn 2016-2022.

1.4. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát là nghiên cứu, học tập kinh nghiệm công tác phân tích, phân loại của hải quan các nước nói trên và Việt Nam thông qua Website, tài liệu công bố chính thức của Hải quan các nước. Từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp áp dụng cho Hải quan Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng và khắc phục các tồn tại đang vướng mắc trong công tác phân tích phân loại.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng Phương pháp nghiên cứu: Duy vật biện chứng; Duy vật lịch sử; Phân tích, tổng hợp; So sánh đối chiếu; định lượng; Suu tầm, dịch tài liệu từ tiếng Anh, Nga, Hàn Quốc.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu tại Việt Nam, đến nay chưa có công trình nghiên cứu về Kinh nghiệm của Hải quan quốc tế trong hoạt động phân tích, phân loại hàng hoá và khuyến nghị đối với Hải quan Việt Nam.

3. Ý nghĩa khoa học của đề tài nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần tham mưu xây dựng hệ thống dữ liệu điện tử; hệ thống tự động hóa trong công tác phân tích, phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu đảm bảo tính hiệu quả, nhanh chóng, chính xác.

4. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, các bảng biểu, nội dung của đề tài gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan các vấn đề về phân tích, phân loại hàng XNK và kinh nghiệm của hải quan quốc tế.

Chương 2: Thực trạng của công tác phân tích, phân loại của Hải quan Việt Nam.

Chương 3: Một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả trong phân tích, phân loại của Hải quan Việt Nam.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ VỀ PHÂN TÍCH, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU VÀ KINH NGHIỆM CỦA HẢI QUAN QUỐC TẾ

1.1. Một số lý luận về phân tích, phân loại hàng hóa

1.1.1. Các khái niệm liên quan đến phân tích, phân loại

1.1.1.1. Khái niệm liên quan đến phân tích

Phương pháp phân tích là ứng dụng một số kỹ thuật phân tích để giải quyết một vấn đề phân tích¹.

Phân tích hàng hóa là việc các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan hải quan phân tích mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định: Thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng làm cơ sở phân loại hàng hóa theo Danh mục HS; Các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc gia do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế để kiểm tra chuyên ngành (kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm) làm căn cứ quyết định thông quan hàng hóa².

1.1.1.2. Khái niệm liên quan đến phân loại

Phân loại hàng hóa là việc căn cứ vào đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hóa để xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục HS³. Danh mục HS thuộc Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (ngôn ngữ chung toàn cầu về hàng hoá). Do vậy, việc phân loại hàng hóa được thực hiện tuân tự và căn cứ vào bản chất hàng hóa (kết quả phân tích, giám định hàng hóa), các quy tắc giải thích việc phân loại hàng hóa để xác định chính xác mã số hàng hóa.

¹ Hóa học phân tích tập 1, chủ biên PGS.TS. Võ Thị Bạch Huệ, nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội – 2007, trang 5.

² Khoản 7 Điều 2 Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

³ Khoản 16 Điều 4 Luật Hải quan

1.1.2. Sự cần thiết phải phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu

Phân tích, phân loại hàng hóa XNK cần thiết cho: Xác định đúng mã số hàng hóa theo Danh mục HS; Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh an toàn xã hội; Cơ sở xác định chính sách mặt hàng, chính sách thuế.

1.1.3. Các điều kiện cần thiết cho phòng thí nghiệm thực hiện phân tích, phân loại

Phòng thí nghiệm hợp chuẩn (chất lượng, đạt chuẩn) là phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017, tức là đảm bảo đồng thời tất cả các yêu cầu cả về nhân lực, vật lực và điều kiện môi trường, tuân thủ các quy định quan trọng như: (i) *Khách quan*; (ii) *Bảo mật*; (iii) *Cơ cấu tổ chức*; (iv) *Nguồn lực*.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phân tích, phân loại hàng hóa

1.2.1. Các quy định chung

Các quy định chung ảnh hưởng đến công tác phân tích, phân loại hàng hóa gồm: Các thông lệ quốc tế; Các văn bản pháp luật của Chính phủ, Nhà nước; Các quy định của các Bộ, Ngành về Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật....

1.2.2. Các yếu tố khác

a) Tính chất của hàng hóa: Hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng đa dạng về chủng loại, tinh vi về công nghệ sản xuất, đặc biệt xuất hiện những mặt hàng đa chức năng, đa công dụng.

b) Nhân lực: Trình độ chuyên môn và kỹ năng sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm còn yếu; Trang bị kiến thức về thương phẩm học, kỹ năng phân tích, phân loại....

c) Vật lực: Nhiều thiết bị phức tạp, tính năng cao khó sử dụng. Thời gian khắc phục các máy móc, thiết bị bị hỏng. Số lượng trang thiết bị phân tích, hóa chất...

d) Các yếu tố khác: Môi trường làm việc, tình hình về kinh tế, xã hội, dịch bệnh, thiên tai.... Chế độ chính sách tuyển dụng nhân viên có năng lực,

chuyên môn cao; Năng lực quản lý của các cấp lãnh đạo; Ứng dụng công nghệ thông tin...

1.3. Vai trò của phân tích, phân loại hàng hóa đối với hoạt động quản lý nhà nước lĩnh vực Hải quan

Trong hoạt động quản lý nhà nước lĩnh vực Hải quan công tác phân tích, phân loại hàng hóa có vai trò: Làm cơ sở tính thuế; Kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng, kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm; Kiểm soát và hạn chế sự gian lận trong khai báo; Tạo điều kiện thuận lợi trong thông quan.

1.4. Nghiên cứu kinh nghiệm của Hải quan quốc tế.

1.4.1. Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (Hải quan Mỹ)

1.4.1.1. Giới thiệu chung về phòng thí nghiệm của Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ

Phòng thí nghiệm và Dịch vụ Khoa học (sau đây gọi là LSS) là chi nhánh khoa học, kỹ thuật và pháp y của Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới (sau đây gọi là CBP). LSS của CBP ngoài hoạt động phân tích phân loại còn thực hiện kiểm tra chuyên ngành, phối hợp, hỗ trợ khoa học và kỹ thuật cho tất cả các hoạt động thương mại và bảo vệ biên giới của CBP.

Tất cả các phòng thí nghiệm của CBP đều được công nhận ISO 17025. Các trạm thí nghiệm di động có thể đến bất kỳ địa điểm nào theo nhu cầu nhiệm vụ trong vòng 48 giờ (nhưng thực tế các trạm này thường có mặt trong vòng 24 giờ).

Cơ quan CBP cung cấp một bộ ứng dụng di động (ứng dụng dùng trên thiết bị điện tử) giúp các cơ quan môi giới hải quan thuận lợi trong khai báo, yêu cầu và nhận kết quả kiểm tra hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ, v.v...

1.4.1.2. Hoạt động phân tích hàng hóa tại LSS

LSS hoạt động rất khoa học và hiệu quả, họ có một hệ thống những phương pháp phân tích cho từng nhóm hàng thuộc các chương của Danh mục HS và được đăng tải công khai trên trang điện tử của CBP (hình 1.4).

Hải quan Hoa kỳ không thực hiện lấy mẫu phân tích để phân loại hàng hóa trong và sau thông quan, chỉ thực hiện phân tích để phân loại trước. Điều này cũng giúp cho việc giảm mẫu gửi phân tích phân loại khi thực hiện thông quan hàng hóa. Đặc biệt không có tình trạng tồn đọng mẫu phân tích.

1.4.2. Hải quan Liên Bang Nga

1.4.2.1. Giới thiệu chung về phòng thí nghiệm Hải quan Liên Bang Nga

Năm 2002, Phòng thí nghiệm Hải quan chính thức được chuyển đổi thành Cục Hải quan Pháp y Trung ương như một phần của Ủy ban Hải quan Nhà nước Liên Bang Nga và các Phòng thí nghiệm hải quan khu vực được chuyển thành Dịch vụ Pháp y như một phần của Hải quan khu vực có liên quan. Ngoài việc phân tích hàng hóa để xác định mã số, còn thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến kiểm tra chuyên ngành, pháp y, tư vấn, cung cấp kiến thức khoa học....

1.4.2.2. Các hoạt động phân tích, phân loại của Hải quan Liên Bang Nga

Công chức hải quan có quyền hạn phân loại hàng hóa theo HS và kiểm soát tính chính xác của việc xác định mã phân loại theo HS.

Trên cơ sở các chỉ tiêu được công bố, Phòng thí nghiệm ở các khu vực của Hải quan Liên Bang Nga đã thực hiện giám định và trả kết quả một cách thống nhất, nhanh gọn và hiệu quả, từ đó giảm thiểu được thời gian thông quan và giải phóng hàng hóa.

1.4.3. Hải quan Hàn Quốc

1.4.3.1. Giới thiệu chung về phòng thí nghiệm Hải quan Trung ương Hàn Quốc

Phòng thí nghiệm Hải quan Trung ương Hàn Quốc (KCCL) là văn phòng Đánh giá và Phân tích thuộc Bộ Tài chính, đã thực hiện các nhiệm vụ khác nhau của Hải quan như hỗ trợ khoa học và kỹ thuật, phân tích, phân loại. KCCL là Phòng thí nghiệm Hải quan Khu vực của WCO tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

1.4.3.2. Hoạt động phân tích hàng hóa tại KCCL

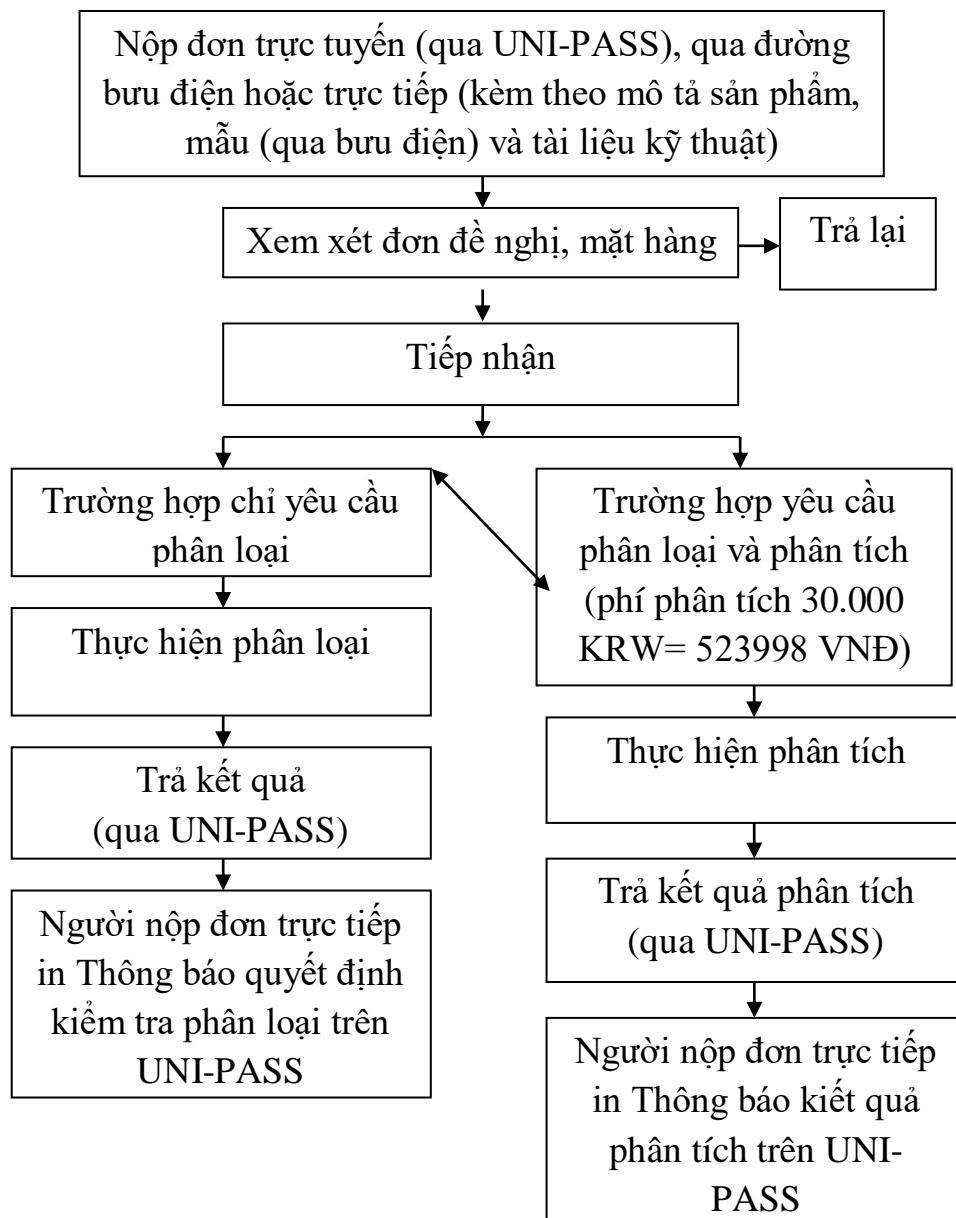
Khi gửi mẫu phân tích, phân loại phải mô tả đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của Hải quan qua hệ thống thông quan điện tử (UNI PASS).

a) *Trình tự thực hiện đối với mẫu của WCO, các nước thành viên của WCO*

Đối với yêu cầu của WCO: Xem xét mặt hàng → chọn các hạng mục phân tích → tình nguyện viên → phân tích và báo cáo.

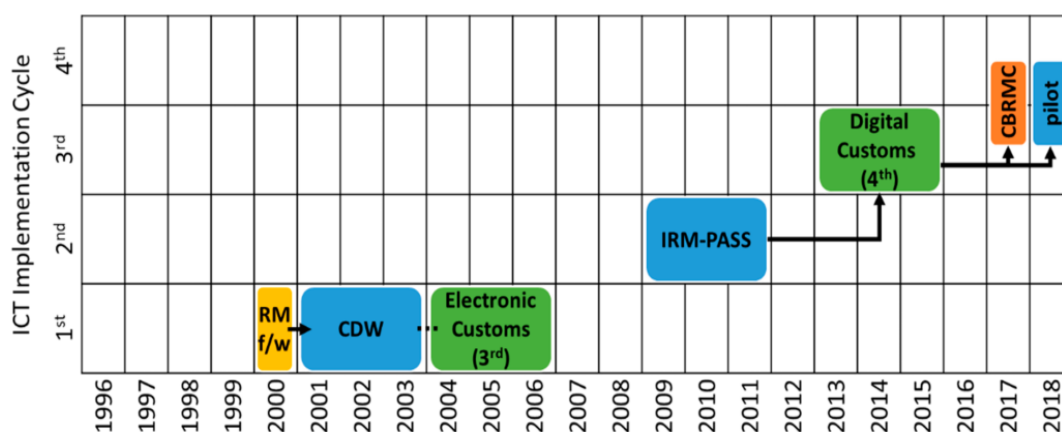
Đối với yêu cầu của các nước thành viên của WCO: Nộp đơn đề nghị qua trang website → trả lời tiếp nhận hay không → gửi mẫu → phân tích và báo cáo.

b) *Quy trình thực hiện phân loại theo yêu cầu của Doanh nghiệp, cơ quan Hải quan Hàn Quốc*



khai báo thương mại và phần F giải thích chi tiết phương pháp phân loại mã HS của hệ thống ML.

Thực tế, Hải quan Hàn Quốc đã áp dụng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động như kho dữ liệu hải quan (CDW), hệ thống quản lý rủi ro tích hợp (IRM-PASS), hệ thống hải quan số (UNI-PASS) đi kèm với những thay đổi về cơ cấu tổ chức, quản lý nhân sự, hoạt động, tác vụ và người dùng.



Hình 1.13 - Hải quan Hàn Quốc triển khai công nghệ thông tin và truyền thông theo thời gian.

Hải quan Mỹ, Liên Bang Nga và Hàn Quốc đều sử dụng các phần mềm, ứng dụng thích ứng với hải quan số, hải quan thông minh trong phân tích, xác định mã số. Cả ba nước trên đều có các phòng thí nghiệm hợp chuẩn, có nhiều điểm tích cực, hiện đại, tiên tiến đáng để học hỏi và vận dụng để thực hiện mục tiêu hiện đại hóa công tác phân tích, phân loại tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM

2.1. Các quy định về phân tích, phân loại

Từ năm 1992, Việt Nam bắt đầu triển khai áp dụng Công ước HS. Đến nay, đã được hơn 30 năm với nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, gồm:

Quyết định số 49/QĐ-CTN ngày 06/3/1998 của Chủ tịch nước về việc Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.

Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/03/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022.

Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26/02/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm.

Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính về việc Ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/06/ 2018 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành quy trình phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Quyết định số 2166/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2021 của Tổng cục Hải quan ban hành Quy trình Phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục hải quan đều được cập nhật, chỉnh sửa kịp thời phù hợp với các quy định của hải quan quốc tế liên quan đến phân tích, phân loại hàng hóa. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn về phân tích phân loại của Hải quan Việt Nam còn chưa rõ ràng, nhiều văn bản hướng dẫn chưa được tích hợp thống nhất cùng loại văn bản cho dễ tra cứu.

2.2. Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện công tác phân tích, phân loại

2.2.1. Cục Kiểm định hải quan

Theo Quyết định số 1388/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 và Quyết định 1025/QĐ-BTC ngày 18/5/2021 của Bộ Tài chính, Cục Kiểm định hải quan có chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quản lý và tổ chức thực hiện công tác công tác kiểm định, phân tích, giám định, phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sau kiểm định, phân tích, giám định theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2.2.2. Cục Thuế xuất nhập khẩu

Theo Quyết định số 1387/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 và Quyết định 1025/QĐ-BTC ngày 18/5/2021 của Bộ Tài chính, Cục Thuế xuất nhập khẩu là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện quản lý nhà nước về thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Bên cạnh Cục KĐHQ và Cục Thuế XNK, các đơn vị khác cũng có liên quan đến công tác phân tích, phân loại như: Cục Hải quan tỉnh, thành phố; các Vụ, Cục khác trực thuộc Tổng cục Hải quan (Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan, Cục Quản lý rủi ro, Văn phòng Tổng cục, Cục Giám sát quản lý về hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm tra sau thông quan).

Nghiệp vụ phân loại hiện nay đang bị chia ra cho hai đơn vị Cục KĐHQ (phân tích, ban hành kết quả phân loại) và Cục Thuế XNK (phân loại trước).

2.3. Thực trạng công tác phân tích phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Kiểm định Hải quan

a) Trang thiết bị và cơ sở vật chất

Hiện Cục KĐHQ đang có 8 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017, gồm: Trung tâm phân tích và các Chi cục kiểm định hải quan (2, 3, 4, 5, 6, Đông Nam Bộ, Cái Mép Thị Vải).

Mỗi phòng thí nghiệm thuộc Cục KĐHQ và Chi cục KĐHQ đều được trang bị từ 85 đến 110 các loại thiết bị máy móc để đáp ứng mục đích phân tích theo từng nhóm mặt hàng như vi sinh, thực phẩm, kim loại, vải, giấy, sợi, hóa chất, khoáng sản... (máy sắc ký khí, máy ly tâm, lò nung nhiệt độ cao, cắt kim loại,...), 186 dụng cụ (bộ chiết chất béo, bộ phễu lọc chân không bằng thủy tinh....) và 230 loại hóa chất (như: silicagen, sodium acetate trihydrate....).

Cục KĐHQ cũng được trang bị 04 Trạm kiểm định di động (phân bổ cho các Chi cục KĐHQ 3,4,5,6), các thiết bị phân tích chuyên dụng cầm tay và di động nhằm mục đích thực hiện phân tích tại hiện trường.

Hoạt động của hệ thống các phòng thí nghiệm chưa đạt hiệu suất cao. Máy móc mới, nhiều tính năng, sử dụng bằng tiếng Anh. Nhân viên phòng thí nghiệm chưa khai thác hết các công suất của các thiết bị hiện đại trong phòng thí nghiệm do máy hiện đại phức tạp, do không có mẫu thử để chạy máy phân tích.

b) Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.

Tổ chức bộ máy tại các Chi cục KĐHQ gồm Chi cục Trưởng, Phó Chi cục trưởng và các Lãnh Đới (Đội Tổng hợp và Đội nghiệp vụ). Tuy nhiên, hiện tại Tổ chức bộ máy tại các Chi cục KĐHQ không đồng đều, cụ thể: 02 đơn vị không có cấp trưởng (Trung tâm Phân tích, Chi cục KĐHQ 3); 03 đơn vị không có Phó Chi cục Trưởng (Đông Nam Bộ, Cái Mép Thị Vải, Chi cục KĐHQ 5); 01 đơn vị có 3 Đội (Chi cục KĐHQ 3); 02 đơn vị có 02 Đội (Chi cục KĐHQ 2, Chi cục KĐHQ 4); 05 đơn vị không có Đội (Trung tâm Phân tích, Chi cục KĐHQ 5, Chi cục KĐHQ 6, Đông Nam Bộ, Cái Mép Thị Vải).

Cục Kiểm định hải quan có tổng 240 công chức, viên chức và người lao động được phân bổ tại 11 đơn vị thuộc và trực thuộc Cục Kiểm định hải quan. Trong đó 142 công chức và viên chức, 98 hợp đồng lao động theo Nghị định 68 và lao động giản đơn. Trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chiếm khoảng 29% theo các chuyên ngành hóa, sinh, dược, thực phẩm, điện tử và cơ khí.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin

Phần mềm riêng của Cục Kiểm định hải quan chính thức đi vào hoạt động từ cuối năm 2018 có tên gọi là Customslab, được chia thành nhiều sites cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau (TCHQ, Hải quan địa phương, đơn vị KĐHQ).

Hệ thống Customslab lưu trữ toàn bộ dữ liệu liên quan đến các nghiệp vụ phân tích, phân loại, kiểm định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ năm 2004 đến nay và tích hợp nhiều tính năng (sơ đồ 2.3) nhằm quản lý, điều hành, hỗ trợ, hướng dẫn, thống nhất các hoạt động nghiệp vụ tại Cục Kiểm định hải quan.

Hệ thống Customslab giúp Cục Kiểm định hải quan quản lý, kiểm soát các hoạt động phân tích, phân loại công khai, minh bạch, hiệu quả.

d) Hoạt động phân tích phân loại

Từ ngày 12/04/2021 đến nay, Cục Kiểm định hải quan được giao thẩm quyền ban hành TBKQPL và TBKQPT kèm mã số hàng hóa theo Thông tư 17/2021/TT-BTC. Trong thời gian qua, Cục Kiểm định Hải quan đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phân tích phân loại như mã hóa mẫu khi tiếp nhận, sử dụng chữ ký số, tạm sử dụng hồ sơ TBKQPT kèm mã số đề xuất điện tử trong thời gian đợi hồ sơ giấy, phân công tự động trên hệ thống Customlab, ...

2.4. Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong công tác phân tích phân loại

2.4.1. Kết quả

2.4.1.1 Thủ tục hành chính

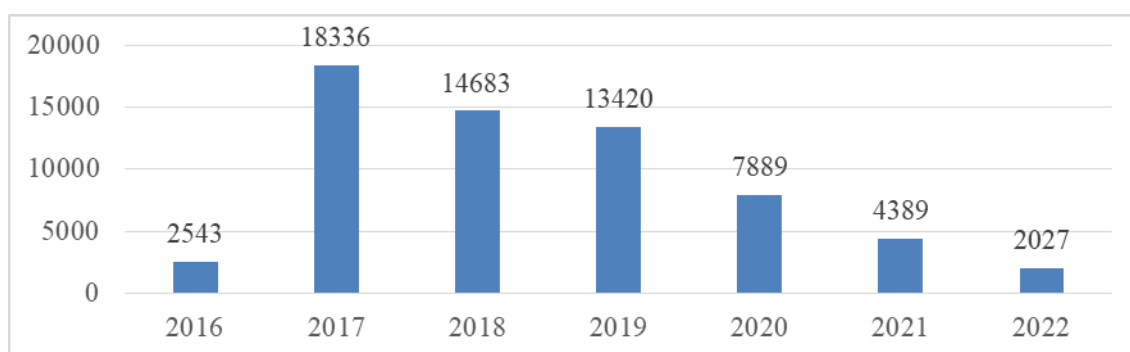
Kể từ ngày 12/04/2021 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 21/02/2021 có hiệu lực, thẩm quyền ban hành TBKQPL được chuyển từ cấp Lãnh đạo TCHQ sang cấp Cục trưởng Cục KĐHQ, đã cắt bỏ được nhiều khâu nhiều bước và giải quyết vấn đề về thời gian ban hành TBKQPL.

Nhờ áp dụng sử dụng chữ ký số, tạm sử dụng hồ sơ TBKQPT kèm mã số đề xuất điện tử trong thời gian đợi hồ sơ giấy, phân công tự động hồ sơ trên hệ thống CustomsLab, ... Cục KĐHQ rút ngắn thời gian ban hành TBKQPL.

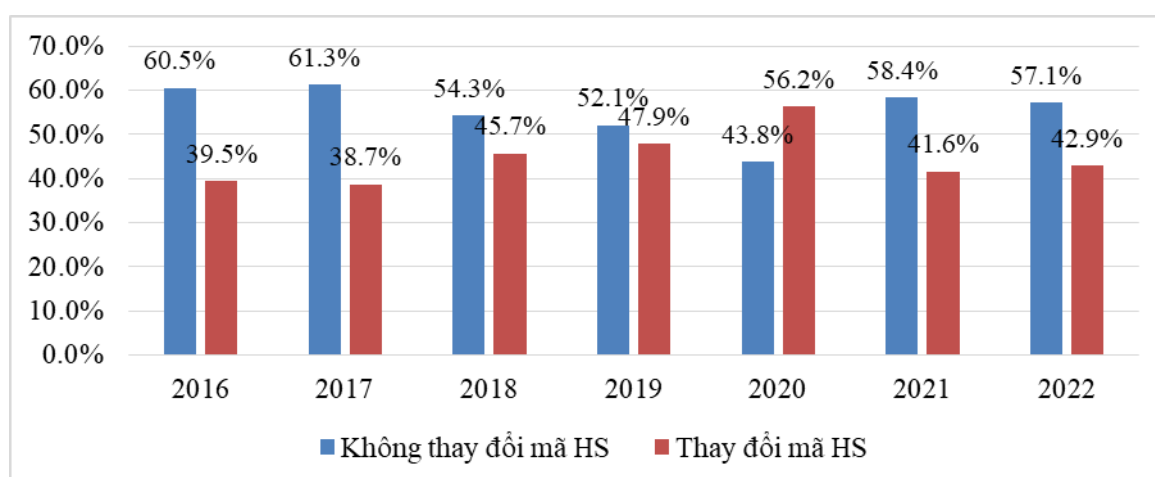
2.4.1.2. Nghiệp vụ phân tích phân loại

a) Tiếp nhận mẫu phân tích để phân loại.

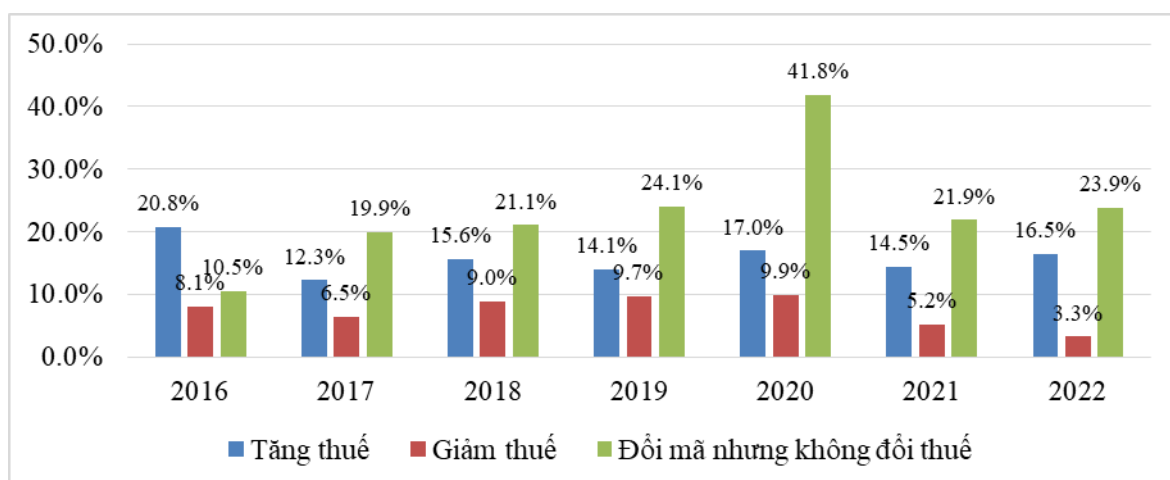
Từ năm 2016 đến năm 2022, Cục Kiểm định hải quan đã tiếp nhận rất nhiều chủng loại mẫu hàng hóa, cho thấy sự cần thiết phải phân tích để phân loại. Số lượng mẫu tiếp nhận phân tích để phân loại qua các năm được thể hiện tại biểu đồ (2.1), tỷ lệ thay đổi mã của các mẫu trên được thể hiện tại biểu đồ (2.2) và (2.3).



Biểu đồ 2.1 - Số lượng mẫu phân tích để phân loại từ năm 2016 - 2022



Biểu đồ 2.2 – Tỷ lệ mẫu thay đổi mã số theo khai báo từ năm 2016-2022

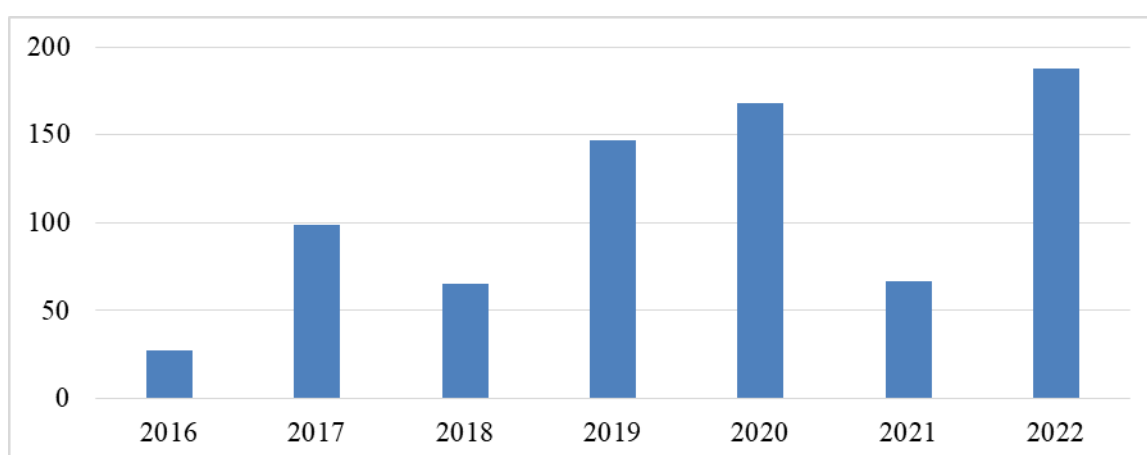


Biểu đồ 2.3 – Tỷ lệ mẫu tăng thuế, giảm thuế, đổi mã nhưng không đổi thuế theo khai báo từ năm 2016-2022

Từ các biểu đồ trên cho thấy hầu hết doanh nghiệp XNK đang hướng tới tuân thủ pháp luật hải quan, cụ thể như sau: Số lượng mẫu tiếp nhận ngày càng giảm; Tỷ lệ thay đổi mã số tăng, nhưng thuế suất không thay đổi.

b) Tiếp nhận mẫu phân tích và tham gia ý kiến phân loại để xác định trước mã số theo yêu cầu của Cục Thuế xuất nhập khẩu

Bên cạnh tiếp nhận mẫu phân tích để phân loại từ Hải quan tỉnh, thành phố, Cục KĐHQ cũng phân tích mẫu và cho ý kiến phân loại đối với xác định trước mã số theo đề nghị của Cục Thuế XNK (số liệu thể hiện ở biểu đồ (2.4) dưới đây:



Biểu đồ 2.4 – Số lượng mẫu gửi phân tích, tham gia ý kiến phân loại cho xác định trước mã số từ năm 2016-2022

Qua các số liệu trên cho thấy các doanh nghiệp ngày càng chú trọng xác định trước mã số, điều này vừa có mặt tích cực vừa tiêu cực. Về mặt tích cực, sẽ hạn chế được mẫu phân tích để phân loại. Tuy nhiên, sẽ xuất hiện tình trạng mặt hàng thực tế XNK có thể sẽ không giống hết với mặt hàng xác định trước mã số, dẫn đến thất thoát số tiền thuế phải nộp. Do vậy, cơ quan Hải quan cũng cần có những giải pháp mạnh tay đối với các doanh nghiệp gian lận trong khai báo mã số hàng hoá.

c) Tiếp nhận mẫu phân tích để kiểm định

Từ 06/9/2017, Cục KĐHQ được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác phân tích để kiểm định theo Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/9/2017, từ kết quả kiểm định Hải quan tỉnh, thành phố có thể tự xác định mã số hoặc thực hiện các thủ tục hải quan khác như kiểm tra theo chính sách mặt hàng. Từ năm 2018 đến 2021 mẫu kiểm định ngày càng giảm tương đồng với độ giảm của mẫu phân tích phân loại, tuy nhiên từ năm 2021 đến 2022, mẫu kiểm định bắt đầu tăng lên mạnh (gần gấp 2 lần). Điều này cho thấy, hải quan địa phương đã dần chủ động trong công tác phân loại.

d) Được cấp giấy chứng nhận thử nghiệm đạt Tiêu chuẩn Việt Nam

Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm đối với 50 chỉ tiêu các lĩnh vực sinh học, hóa học, cơ lý theo giấy chứng nhận số 2934/TĐC-HCHQ ngày 13/10/2022;

Trung tâm Phân tích đã được Cục Bảo vệ Thực vật – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón theo quyết định số 2064/QĐ-BVTV-KH ngày 26/7/2022;

đ) Các kết quả khác

- Hoàn thành các chỉ tiêu vilas (18 chỉ tiêu).
- Ban hành sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ (18 sổ tay).
- Ban hành Quy định thống nhất mô tả hàng hóa một số mặt hàng phức tạp (12 thống nhất mô tả).
- Ban hành Sổ tay Phòng thí nghiệm Hải quan, gồm:

(i) Các quy trình phân tích áp dụng trong phòng thí nghiệm Hải quan (01).

(ii) Danh mục các phương pháp phân tích để phân loại đối với một số mặt hàng, theo từng chỉ tiêu, tiêu chí của các nhóm hàng (69 tiêu chí).

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng (về 6 quy tắc phân loại, học chuyên sâu về mặt hàng vải, cử đi học các lớp về tiêu chuẩn Vilas, quản lý chất lượng).

Từ các kết quả trên cho thấy, các phòng thí nghiệm của Cục KĐHQ đã thực hiện được nhiều kết quả tốt, dần chuyển mình từ bị động sang chủ động, dần tiến đến hiện đại hóa công tác phân tích, phân loại. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nhất định do các nguyên nhân khác quan và chủ quan.

2.4.2. Các hạn chế và nguyên nhân

2.4.2.1. Hạn chế

a) Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

Cục Kiểm định Hải quan (KĐHQ) có 7 Chi Cục KĐHQ đóng tại 7 địa bàn các tỉnh, thành phố (Hải phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Vũng Tàu). Nhưng số lượng nhân viên phân tích và kiểm định mỏng, không đáp ứng với số lượng mẫu yêu cầu phân tích của 35 Cục HQ tỉnh thành phố, lại thêm áp lực tạo điều kiện cho doanh nghiệp thông quan nhanh, tiết kiệm chi phí. Nhân sự thuộc mỗi Chi Cục KĐHQ trung bình khoảng trên dưới 10 người, gồm công chức, viên chức, hợp đồng 68, hợp đồng giản đơn. Trong khi mỗi Chi Cục KĐHQ phụ trách hoạt động tiếp nhận phân tích, phân loại, kiểm định mẫu của nhiều Cục HQ tỉnh, thành phố trên địa bàn đã được Tổng cục phân công.

Vị trí địa lý xa giữa các Chi cục KĐHQ so với các Chi cục Hải quan địa phương, làm cho thời gian gửi mẫu phân tích qua bưu điện bị kéo dài, kết quả phân tích, phân loại cung cấp cho doanh nghiệp còn chậm trễ, đôi khi thiếu chính xác do mẫu bị di chuyển xa và lâu.

Cơ cấu tổ chức của các Chi cục KĐHQ không đồng nhất với nhau. Một số Chi cục KĐHQ có cấp Đội, một số không đủ biên chế để được thành lập cấp Đội.

b) Thủ tục hành chính

Nhiều thủ tục trong công tác phân tích, phân loại chưa được tinh gọn, chưa triển khai lưu trữ hồ sơ phân tích để phân loại trên hệ thống điện tử; Còn tiếp nhận hồ sơ giấy nên việc gửi hồ sơ yêu cầu phân tích để phân loại và hồ sơ TBKQPT kèm mã số đề xuất phải chuyển qua đường bưu điện. Các Chi Cục KĐHQ chưa áp dụng đồng bộ chữ ký số.

c) Công tác chuyên môn

- Việc lấy mẫu, gửi mẫu yêu cầu phân tích để phân loại chưa chặt chẽ:
- Chưa chủ động được trong công tác phân tích, phân loại hàng hóa:

d) Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động phân tích, phân loại

Hệ thống hải quan điện tử đang bị phân bố rải rác ở các nhiều trang web, nhiều tính năng, trường thông tin chưa được tích hợp vào một hệ thống dữ liệu hải quan điện tử lớn.

Cơ sở dữ liệu phân loại của ngành còn đang rời rạc, chưa kết nối, tích hợp đồng bộ. Tài khoản đăng nhập vào hệ thống điện tử của ngành thường xuyên không cho đăng nhập, yêu cầu phải thay đổi mật khẩu, hoặc nhiều khi bị khóa không rõ lý do. Còn nhiều chuyên viên làm nghiệp vụ không được cấp tài khoản nghiệp vụ để rà soát, thu thập thông tin các mặt hàng rủi ro.

Hệ thống điện tử (như MHS, CustomsLab, Edocs) còn chậm, không ổn định, ảnh hưởng đến quá trình tra cứu và cập nhật dữ liệu phân tích, phân loại, kiểm định.

đ) Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ

Chưa chú trọng nhiều đến công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý nhà nước lĩnh vực phân tích, phân loại.

Không tổ chức thường xuyên khóa tập huấn, hội thảo chuyên đề về thương phẩm học; về cách xác định chỉ tiêu phân tích, phân loại đối với từng

nhóm chủng loại hàng hóa; về trao đổi nghiệp vụ và các vướng mắc giữa các phòng thí nghiệm, chuyên viên phân tích phân loại tại các Chi Cục KĐHQ với Cục HQ tỉnh, thành phố.

Hợp đồng lao động tại các phòng thí nghiệm không được tham gia học lớp nghiệp vụ hải quan tổng hợp, học về phân loại làm cho hạn chế kiến thức trong phân tích, phân loại.

e) Hạn chế về cơ sở vật chất

Một số máy móc, trang thiết bị phân tích bị hỏng, không được khắc phục, sửa chữa kịp thời, thiếu hóa chất, vật tư trong thử nghiệm, làm cho các Chi cục KĐHQ gặp trở ngại và khó khăn khi thực hiện tiếp nhận các tiêu chí yêu cầu phân tích và phải gửi giám định tại các đơn vị giám định bên ngoài, dẫn tới việc kéo dài thời gian thông báo kết quả phân tích, phân loại.

Một số thiết bị sử dụng chưa hiệu quả (như Trạm kiểm định di động, thiết bị chuyên dụng cầm tay, ...).

2.4.2.2. Nguyên nhân

Công tác phân tích, phân loại còn một số hạn chế kể trên là do những nguyên nhân sau:

a) Tổ chức bộ máy

Lực lượng phân tích, phân loại mỏng, được bố trí tại 7 đơn vị trực thuộc Cục KĐHQ để phục vụ lượng mẫu phân tích của 35 Cục HQ tỉnh, thành phố. Như vậy, các Chi Cục KĐHQ không thể đáp ứng hết nhu cầu gửi mẫu phân tích của các Cục HQ tỉnh thành phố.

Cơ cấu tổ chức ở các Chi cục KĐHQ không đồng nhất, vì số lượng người ít, nên một số Chi Cục KĐHQ không đủ người để thành lập cấp Đội. Công tác tuyển dụng nhân viên chuyên ngành để phân tích, phân loại rất khó. Chưa có tổ tư vấn về nghiệp vụ phân tích, phân loại.

Nhiều trường hợp Cục KĐHQ và Cục Thuế xuất nhập khẩu phải trao đổi, thống nhất đưa ra một mã.

b) Thủ tục hành chính, quy định tại các văn bản

Chưa có cơ chế cho hợp đồng lao động làm công tác phân tích, phân loại hàng hóa.

Chưa có quy định về việc tiếp nhận hồ sơ phân tích, phân loại điện tử nên thời gian gửi hồ sơ phân tích phân loại còn phụ thuộc vào bưu điện, hoặc đơn vị chuyên phát.

Cùng lúc, chuyên viên phân tích, phân loại, công chức tại các Chi Cục HQ tỉnh, thành phố phải thực hiện theo nhiều văn bản hướng dẫn, văn bản quy phạm pháp luật khác nhau.

c) Hạn chế năng lực nghiệp vụ

Nhiều công chức, viên chức thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Cục Kiểm định hải quan chưa được tham gia chương trình nghiệp vụ hải quan tổng hợp; chưa nắm rõ các tiêu chí phân tích, phân loại theo HS; chưa được học về thương phẩm học để nhận biết các chủng loại hàng hóa nhanh qua tài liệu kỹ thuật.

d) Sự đa dạng, phức tạp của chủng loại hàng hóa XNK

Nhiều mẫu yêu cầu phân tích ngày càng phức tạp, cần phải sử dụng nhiều phương pháp phân tích, thậm chí nhiều chủng loại chưa có phương pháp phân tích, chưa có tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, dẫn đến phải nghiên cứu cách phân tích.

đ) Chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động phân tích, phân loại

Chưa hợp nhất các trang điện tử nghiệp vụ của ngành hải quan vào thành một hệ thống. Dữ liệu về phân loại hàng hóa được để ở cả 04 trang web (Customslab, MHS, Edocs, Selab portal).

Chưa có bộ tiêu chí phân loại cho từng nhóm hàng (gồm tiêu chí phân loại không cần phân tích và tiêu chí phân loại cần phân tích); chưa tích hợp các phương pháp phân tích vào hệ thống điện tử để thuận tiện tra cứu.

Chưa đăng tải các khuyến nghị phân loại của WCO, các báo cáo cuộc họp của Tiểu nhóm kỹ thuật về phân loại hàng hóa ASEAN.

Chưa có phần mềm ứng dụng trên các thiết bị di động có kết nối với mạng internet để tra cứu tiêu chí phân tích, phân loại, tra cứu kết quả phân tích, phân loại... mọi lúc, mọi nơi.

Chưa áp dụng đồng bộ chữ ký số cho toàn thể các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức hải quan.

e) Công tác bồi dưỡng, đào tạo

Công việc nhiều, số lượng nhân lực có hạn nên các đơn vị chưa thể bố trí các cán bộ tham gia các khóa đào tạo về phân tích, phân loại, thương phẩm học.

Chưa chú trọng tổ chức tập huấn kiến thức mới cho công chức, viên chức về nhận diện hàng hóa, xác định bản chất hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu.

Chưa tổ chức nhiều các khóa học thương phẩm học, khóa tập huấn về xác định các tiêu chí phân loại cho từng dòng hàng.

f) Một số nguyên nhân khác

Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn, kinh nghiệm trong công tác phân tích, phân loại.

Chưa có chủng loại mẫu hàng hóa phù hợp để phân tích trên một số loại máy móc thiết bị.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG PHÂN TÍCH, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM

3.1. So sánh công tác phân tích, phân loại của Hải quan Việt Nam với Hải quan Mỹ, Liên Bang Nga, Hàn Quốc

Để thuận tiện trong việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phân tích, phân loại của Hải quan Việt Nam, nhóm nghiên cứu đưa ra bảng so sánh, đánh giá dưới đây:

Bảng 3.1 – So sánh, đánh giá giữa Hải quan các nước và Hải quan Việt Nam trong công tác phân tích, phân loại

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
1	Công tác phân tích, phân loại được quy định ở Công ước HS, Luật và văn bản hướng dẫn thực hiện Luật	Công tác phân tích, phân loại được quy định ở nhiều văn bản: Công ước HS, Luật, Nghị định, 02 Thông tư, Quy trình.	Cần phải hợp nhất thành 1-2 văn bản để công chức thừa hành dễ dàng tra cứu và thực hiện theo. Đơn giản hóa các quy định liên quan đến việc gửi mẫu phân tích để phân loại
2	Tiếp nhận hồ sơ phân tích để phân loại. Trường hợp cần bổ sung thêm thông tin, tài liệu kỹ thuật thì thông báo qua mail hoặc đăng tải lên hệ thống điện tử một cửa	Nhận hồ sơ yêu cầu phân tích bản cứng trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, trả kết quả ở dạng điện tử. Trường hợp cần bổ sung thêm thông tin, tài liệu kỹ thuật thì có công văn trao đổi qua	Ở Việt Nam chưa áp dụng tiếp nhận hồ sơ phân tích để phân loại, công văn trao đổi ở dạng điện tử.

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
		đường bưu điện. Cục KĐHQ tạm sử dụng hồ sơ TBKQPT kèm mã số đề xuất điện tử trong thời gian đợi hồ sơ giấy.	
3	Trả kết quả ở dạng điện tử	Đăng tải bản scan TBKQPL có chữ ký số lên Edoc để các đơn vị khai thác	Tại Việt Nam đã trả kết quả ở dạng điện tử, tuy nhiên khó tra cứu do khi đăng tải trên Edoc chỉ ghi trích yếu chung chung mà không nêu rõ tên hàng thuộc mã nào, đồng thời khi cần tra cứu thì phải đăng nhập sang hệ thống MHS
4	Ủy quyền cho công chức thừa hành thực hiện việc ký ban hành (Nga). Một đơn vị ký ban hành TBKQPL (Mỹ, Hàn Quốc)	Chưa áp dụng, Tổng Cục trưởng ký ban hành Thông báo xác định trước mã số, Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan ký ban hành TBKQPL, ngoài ra Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan ký ban hành TBKQPT kèm mã số hàng hóa đối với các mặt hàng	Nên xem xét một đơn vị ký ban hành TBKQPL hoặc ủy quyền cho công chức thừa hành.

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
		tương tự/giống hệt.	
5	Các nhân viên phòng thí nghiệm làm việc sát cánh với các nhân viên và đặc vụ tiền tuyến tại cửa khẩu	Cán bộ kiểm định hải quan chỉ phối hợp lấy mẫu với cán bộ kiểm hóa khi cần.	Thực tế ở Việt Nam tỷ lệ phối hợp giữa Cục Kiểm định hải quan và Hải quan địa phương rất thấp, vì vậy cần nâng cao công tác phối hợp giữa đơn vị kiểm định hải quan và hải quan tỉnh, thành phố
6	Mỗi phòng thí nghiệm được tập trung chuyên môn sâu về một số lĩnh vực khác nhau, thích ứng với đặc điểm hàng hóa nhập khẩu theo địa bàn hoạt động (Mỹ)	Chưa chú trọng trong việc chuyên môn sâu một số lĩnh vực theo địa bàn hoạt động	Ở Việt Nam, tùy từng địa bàn có những chủng loại nhập khẩu khác nhau, ví dụ tại Chi cục Kiểm định 5 chỉ xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất, ít hàng hóa của mảng vải, thực phẩm hay sắt, thép.
7	Phê duyệt và/hoặc công nhận và giám sát các máy đo thương mại và các phòng thí nghiệm thực hiện các phép đo và phân tích cho các mục đích Hải quan (Mỹ)	Chưa có	Để tránh tồn đọng mẫu và nhanh ban hành kết quả, có thể xem xét công nhận một số tổ chức giám định làm một vài tiêu chí phân tích, phân loại cho hải quan

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
8	Chú trọng phân loại trước, hạn chế phân loại trong và sau thông quan. Đặc biệt, Mỹ chỉ có phân tích, phân loại trước	Thực hiện đồng thời cả phân tích, phân loại trước và phân tích, phân loại trong quá trình thông quan. Tỷ lệ phân tích, phân loại sau thông quan thấp.	Nâng cao hiệu quả, dần tiến tới chỉ thực hiện phân tích, phân loại trước. Trong quá trình thông quan thì thực hiện giám định các chỉ tiêu tại phòng thí nghiệm hải quan khi năng lực đáp ứng yêu cầu và được công nhận (bằng Trạm kiểm định di động)
9	Số lượng phòng thí nghiệm theo các tỉnh, thành phố lớn (theo hướng cấp vùng)	Lãnh thổ Việt Nam nhỏ nhưng số lượng phòng thí nghiệm hải quan Việt Nam ngang bằng với các nước Nga, Mỹ, Hàn Quốc	Nên tinh gọn bộ máy và theo hướng cấp vùng
10	Nhóm nghiên cứu các phương pháp phân tích cho chủng loại mới, đặc biệt	Chưa có	Nên tổ chức một nhóm nghiên cứu những chủng loại hàng hóa mới
11	Tổ tư vấn về mặt phân tích, phân loại	Chưa có	Nên thành lập tổ tư vấn để công tác phân tích, phân loại được thuận lợi
12	Ngoài công tác phân tích, phân loại còn	Chưa thực hiện được	Trong giai đoạn gần: thực hiện tốt nhiệm vụ

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
	<p>thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ về:</p> <p>(1) giám định hàng hóa xuất nhập khẩu để: phát hiện hàng giả hàng nhái (qua việc đánh giá bao bì, nhãn mác sản phẩm...), dấu vết tội phạm, ...; để kiểm tra chuyên ngành (Mỹ, Nga), hướng dẫn, tập huấn, đào tạo cho các tổ chức giám định, phòng thí nghiệm khác (Nga, Mỹ, Hàn Quốc);</p> <p>(2) hỗ trợ khoa học và kỹ thuật cho tất cả các hoạt động thương mại và bảo vệ biên giới.</p>		<p>kiểm tra chuyên ngành trong giai đoạn gần;</p> <p>Trong giai đoạn xa hơn: thực hiện các loại giám định, hỗ trợ khoa học và kỹ thuật cho tất cả các hoạt động thương mại và bảo vệ biên giới và đào tạo cho các lực lượng giám định khác.</p>
13	<p>Ứng dụng phần mềm hải quan sử dụng trên điện thoại di động (thiết bị di động) để tiện đăng tải và cập nhật kết quả, thông tin mọi lúc mọi nơi.</p>	<p>Chưa áp dụng, chỉ thực hiện tra cứu trên máy tính</p>	<p>Hải quan Việt Nam nên xây dựng và phát triển ứng dụng để thuận tiện cho các cán bộ kiểm hóa và cán bộ thực hiện phân tích, phân loại tại Trạm kiểm định di động</p>
14	<p>Chỉ sử dụng một phần</p>	<p>Đang sử dụng nhiều</p>	<p>Hải quan Việt Nam nên</p>

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
	mềm để tiếp nhận. trả kết quả và tra cứu	phần mềm (nhiều hệ thống) từ rủi ro, tra cứu tờ khai, hồ sơ, kết quả phân tích, phân loại	hợp nhất vào một hệ thống
15	Có cơ sở dữ liệu điện tử gồm các phương pháp phân tích, tiêu chí phân tích cho từng chủng loại mặt hàng, hướng dẫn phân tích các mặt hàng lưỡng tính hoặc phức tạp	Có các công văn hướng dẫn phân loại, có một số phương pháp phân tích cho một số chủng loại mặt hàng nhưng được đăng tải theo dạng công văn không tra cứu theo các từ khóa như tên gọi, mã số...và chỉ có dữ liệu về TBKQPL mới có thể tra cứu được theo tên, mã số ...	Nên chuyển toàn bộ dữ liệu bản giấy sang dạng điện tử để có thể tra cứu theo các từ khóa và có đính kèm bản giấy để tải nội dung văn bản; Đồng thời nên chuẩn hóa cơ sở dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử gồm các tiêu chí phân tích, phân loại cho từng nhóm hàng có tích hợp phương pháp phân tích cho các tiêu chí phân loại cần phân tích
16	Sử dụng mạng chung của quốc gia	Sử dụng mạng nội bộ	Khi chỉ sử dụng mạng nội bộ thì cán bộ đi hiện trường khó tra cứu dữ liệu, vì vậy nên thiết kế dùng mạng chung để khi cán bộ di chuyển, công tác có thể

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
			tra cứu mọi lúc, mọi nơi.
17	Ứng dụng có hiệu quả hải quan số, hải quan thông minh	Đang triển khai áp dụng hải quan số, hải quan thông minh nhưng chưa có hiệu quả cao	Hải quan số, hải quan thông minh đang được toàn cầu áp dụng và Chính phủ Việt Nam đang chú trọng hướng tới, vì vậy cần tập trung nguồn lực để hoàn thiện hệ thống và áp dụng AI trong công tác phân tích, phân loại
18	Tính chủ động hoàn toàn – Các phòng thí nghiệm hải quan thực hiện được hầu hết các tiêu chí phân tích	Chưa chủ động hoàn toàn. Nhiều tiêu chí phân tích phải gửi giám định ngoài ngành.	Việc chủ động hoàn toàn trong khâu phân tích là rất quan trọng, tránh được nhiều rủi ro như doanh nghiệp tác động đến đơn vị giám định ngoài ngành. Vì thế, cần phải tập trung học tập các tiêu chí chưa phân tích được.
19	Chú trọng tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng phân tích, phương pháp phân tích, kỹ thuật sử dụng máy trong thực hiện	Đào tạo nội bộ trong đơn vị về phân tích, phân loại còn ít và chưa sâu. Chưa chú trọng đối với các lớp học về thương phẩm	Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức là rất quan trọng để nâng cao năng lực. Vì vậy, nên chú trọng bồi dưỡng kiến thức phân tích,

STT	Các điểm tốt ở một trong ba nước (Mỹ, Nga, Hàn Quốc)	Tại Việt Nam	Đánh giá
	các tiêu chí phân tích.	học, phương pháp phân tích, kỹ năng nhận diện các chủng loại hàng hóa, cũng như xác định tiêu chí cần phân tích để phân loại	phân loại, thương phẩm học cho toàn bộ nhân lực Kiểm định hải quan và Hải quan tỉnh, thành phố
20	Phòng thí nghiệm có bộ sưu tập các mẫu hàng hóa tham chiếu	Phòng thí nghiệm chưa có bộ sưu tập các mẫu hàng hóa tham chiếu	Cần sưu tập các mẫu hàng hóa tham chiếu để phân biệt sự giống và khác nhau, hàng thật và hàng giả
21	Chế độ ưu đãi cho người làm tại phòng thí nghiệm được chú trọng	Cán bộ tài phòng thí nghiệm, liên quan đến môi trường đặc thù, hóa chất, tia X, ... đang được hưởng mức 01 triệu đồng/tháng; chưa được hưởng chế độ nghỉ, nghỉ phép độc hại, ...	Đãi ngộ người làm môi trường độc hại còn thấp chưa tương xứng. Cần có điều chỉnh chế độ với cán bộ làm công tác này (để giữ người, bổ sung lực lượng, ...)

Qua dữ liệu so sánh công tác phân tích, phân loại của Việt Nam với ba nước trên nhận thấy cơ sở pháp lý và cơ cấu tổ chức của các nước này rất tinh gọn, nhưng rất hiện đại và hiệu quả, đặc biệt trong áp dụng chuyển đổi hải quan số, hải quan thông minh thích ứng với công nghệ 4.0. Vì vậy, để công tác phân tích, phân loại của nước ta được phát triển, hiện đại và giải quyết được những hạn chế, cần chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng chuyển đổi số.

3.2. Định hướng công tác phân tích phân loại hướng đến hải quan số, hải quan thông minh

3.2.1. Hải quan số và hải quan thông minh

Hải quan số là một hình thức áp dụng công nghệ độc đáo trong hành chính công. Hải quan thông minh là mô hình có mức độ tự động hóa cao, ứng dụng các thành tựu khoa học mới và hiện đại trên nền tảng số, phi giấy tờ, đảm bảo minh bạch, công bằng, hiệu lực, hiệu quả, có khả năng dự báo, thích ứng với sự biến động của thương mại quốc tế và yêu cầu quản lý của cơ quan Hải quan.

3.2.2. Khuyến nghị của WCO về áp dụng hải quan số, hải quan thông minh

Đầu năm 2022, WCO đã chính thức đưa ra thông điệp với chủ đề “Thúc đẩy chuyển đổi hải quan số bằng việc áp dụng văn hóa khai thác dữ liệu và xây dựng hệ sinh thái dữ liệu”. WCO đã khuyến nghị ba giải pháp để cơ quan hải quan các nước thành viên có thể tham khảo để thực hiện chuyển đổi số, cụ thể như sau: (i) *Thiết lập cơ chế quản trị dữ liệu chính thống*; (ii) *Tăng cường kỹ năng cần thiết cho nhân viên*; (iii) *Thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan hải quan với các cơ quan khác trong và ngoài nước*

3.3. Một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả phân tích phân loại trên cơ sở kinh nghiệm của Hải quan quốc tế

3.3.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý

Hợp nhất các văn bản quy định về công tác phân tích, phân loại; Bổ sung thêm quy định về công tác phân tích, phân loại trên Trạm kiểm định di động.

Xây dựng “chú giải” riêng của Việt Nam đối với các dòng hàng có mô tả phức tạp, không rõ ràng trong Danh mục HS.

Xem xét việc ủy quyền cho công chức thừa hành thực hiện việc ký ban hành TBKQPL, TBKQPT kèm mã số hàng hóa.

3.3.2. Cải cách thủ tục hành chính

Đơn giản hóa các quy định trong công tác phân tích, phân loại từ khâu lấy mẫu đến khâu ban hành kết quả. Tăng cường công tác xác định trước mã số.

Đẩy mạnh công tác chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về phân tích, phân loại hàng hóa trong toàn ngành.

Tiếp nhận, sắp xếp, lưu trữ hồ sơ điện tử thay cho hồ sơ giấy khi thực hiện ban hành TBKQPL, TBKQPT kèm mã số đề xuất.

3.3.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

a) Triển khai hải quan số, hải quan thông minh trong công tác phân tích, phân loại, trước tiên nghiên cứu áp dụng mô hình ML, theo 6 giai đoạn như sau: Nghiên cứu bối cảnh vấn đề; Nghiên cứu về dữ liệu; Chuẩn bị dữ liệu; Xây dựng mô hình; Đánh giá hiệu suất và Triển khai mô hình.

Thiết lập cơ chế quản trị dữ liệu chính thống để áp dụng ML cần thiết phải nâng cấp hệ thống sẵn có, xây dựng, chuẩn hóa kho cơ sở dữ liệu điện đầy đủ và tin cậy về công tác phân tích, phân loại, gồm: TBKQPL, hướng dẫn phân loại, khuyến nghị phân loại của WCO, bộ tiêu chí phân loại, sổ tay hướng dẫn,

Sau khi thu thập, tổng hợp và nghiên cứu dữ liệu trên, nhóm nghiên cứu đưa ý tưởng về phần mềm AIHS. Áp dụng ML sẽ giải quyết được nhiều hạn chế còn tồn tại, giảm hồ sơ yêu cầu PTPL, giảm số lượng mẫu tồn và thời gian ban hành kết quả, đồng thời giúp công khai, minh bạch, hiệu quả và hiện đại hóa trong công tác phân tích phân loại.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục, công cụ khác liên quan đến công tác phân tích phân loại.

Hợp nhất các hệ thống Customslab, MHS, Edoc...

Triển khai áp dụng hồ sơ điện tử trong các khâu nghiệp vụ.

Ứng dụng phần mềm hải quan trên điện thoại thông minh để tra cứu mã HS, kết quả phân tích, phân loại...mọi lúc mọi nơi.

3.3.4. Cơ cấu lại tổ chức bộ máy và nguồn lực

a) Về tổ chức bộ máy

Sắp xếp, bố trí lại các Chi cục KĐHQ theo hướng cấp vùng, theo thứ tự ưu tiên vị trí địa lí nơi có lưu lượng và chủng loại hàng hóa xuất nhập khẩu lớn.

Thành lập Tổ nghiên cứu và tư vấn Hải quan về phân tích, phân loại tại Cục KĐHQ (có nhiệm vụ: (i) tư vấn nhanh qua điện thoại hoặc qua email cho công chức, viên chức hải quan và doanh nghiệp; (ii) nghiên cứu các tiêu chí phân loại cho từng nhóm hàng và nghiên cứu các phương pháp phân tích cho chủng loại hàng hóa mới chưa có phương pháp phân tích, chưa có tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; (iii) đào tạo, hướng dẫn, tập huấn các đồng nghiệp trong Cục KĐHQ về các phương pháp phân tích, đồng thời hướng dẫn cho công chức, viên chức hải quan địa phương cách xác định các tiêu chí cần phân tích để phân loại).

Hợp nhất chỉ một đơn vị thực hiện phân tích, phân loại hàng hóa trước, trong và sau thông quan.

b) Nâng cao năng lực nguồn nhân lực

Tổng cục Hải quan giao Cục KĐHQ chủ trì, xây dựng kế hoạch nhằm tận dụng nguồn lực tại chỗ và phối hợp với các đơn vị chuyên ngành bên ngoài đẩy mạnh công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ phân tích, phân loại, cách thức xác định tiêu chí phân tích, phân loại theo từng nhóm hàng cụ thể...định kỳ hàng quý, hàng năm cho các cán bộ Hải quan

c) Cơ sở vật chất

Cần kiểm tra, đánh giá thực trạng, hiện trạng trang thiết bị, máy móc...tại tất cả phòng thí nghiệm theo định kỳ.

Tăng cường sử dụng Trạm kiểm định di động và các thiết bị phân tích cầm tay, các thiết bị phân tích di động tại tuyến đầu (cảng, cửa khẩu).

3.4. Kiến nghị với các đơn vị liên quan

3.4.1. Kiến nghị với các đơn vị trong ngành Hải quan

Kiến nghị các đơn vị hải quan địa phương: Tập trung vào những mặt hàng thực sự có gian lận và khó khăn về phân loại hàng hóa để gửi mẫu; Tránh gửi mẫu tràn lan gây tốn kém; Phân công các cán bộ có chuyên môn về phân loại và thương phẩm học thực hiện công tác kiểm hóa, lấy mẫu và gửi yêu cầu phân tích để phân loại; Tăng cường sự phối hợp với Cục Kiểm định hải quan

Kiến nghị với Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan: Kết nối hệ thống VNACCS/VCIS với đường dẫn tiếp nhận mẫu và trả kết quả phân tích, phân loại; Xây dựng và công khai thư viện điện tử lưu trữ các nguồn tài liệu và các hướng dẫn về công tác phân tích, phân loại.

Đề xuất Tổng cục Hải quan quan tâm và cho phép:

- Xây dựng và công khai phần mềm trên thiết bị điện tử không dây có kết nối mang để tạo thuận lợi trong tra cứu dữ liệu phân tích, phân loại (như trên điện thoại thông minh);

- Giao quyền cho công chức ký thông báo phân tích, phân loại;

- Giao Cục KĐHQ chủ trì, phối hợp với Cục Thuế XNK xây dựng bộ tiêu chí phân loại cho từng nhóm hàng theo danh mục hàng hóa XNK Việt Nam;

- Giao quyền và cơ chế cho Cục KĐHQ nghiên cứu và xây dựng bộ phương pháp phân tích cho một số nhóm mặt hàng mới chưa có tiêu chuẩn ở Việt Nam, hoặc các cơ quan giám định không thực hiện được;

3.4.2. Kiến nghị với các đơn vị ngoài ngành Hải quan

Để công tác phân tích, phân loại được hiệu quả, nhóm nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị cho các đơn vị ngoài ngành Hải quan như sau:

Kiến nghị Bộ Tài Chính có cơ chế đặc thù cho công tác sửa chữa nâng cấp máy thiết bị phân tích chuyên dụng; tối giản trong công tác mua sắm, thay thế vật tư trang thiết bị phòng thí nghiệm hải quan.

Kiến nghị các đơn vị Bộ chuyên ngành, các tổ chức giám định quy định thời hạn trả lời kết quả giám định đối với mẫu yêu cầu giám định của các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục KĐHQ khi gửi trung cầu giám định. Đồng thời, phối hợp với ngành Hải quan khi xây dựng về mô tả, đặc tính, thuật ngữ... của các dòng hàng phức tạp trong Danh mục HS.

Nhóm tác giả đã đưa ra các kiến nghị nêu trên nhằm thực hiện hiệu quả công tác phân tích, phân loại cho ngành hải quan và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng đảm bảo thu đúng và đủ cho ngân sách nhà nước.

KẾT LUẬN

Hải quan số, Hải quan thông minh thành công nhờ triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong toàn ngành Hải quan. Một trong những hệ thống CNTT góp phần đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa, phi giấy tờ là hệ thống tự động hóa lĩnh vực phân tích, phân loại hàng hóa XNK, đóng vai trò rất quan trọng trong tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thông quan nhanh chóng, đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả, kiểm soát, chống gian lận thuế suất hàng hóa XNK của cơ quan quản lý nhà nước. Để đẩy mạnh thực hiện tuân thủ pháp luật Hải quan trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực Hải quan nói chung và hoạt động phân tích, phân loại nói riêng, Hải quan Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính Hải quan theo hướng minh bạch, đơn giản, tập trung, thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế như thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, tăng cường kết nối với các đối tác thương mại của Việt Nam. Để triển khai hệ thống CNTT hiện đại, ngành Hải quan phải trang bị hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại, các nguồn lực cần thiết đảm bảo thông suốt cho hệ thống thông tin điện tử tự động. Một yếu tố không thể thiếu trong thực hiện triển khai Hải quan số, Hải quan thông minh đó là phát triển nguồn nhân lực tinh thông, liêm chính, chuyên nghiệp, làm chủ công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại. Hệ thống Hải quan số, Hải quan thông minh sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác và hội nhập quốc tế về hải quan toàn diện, sâu rộng, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Hải quan Việt Nam trong cộng đồng hải quan thế giới.